PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 2

Ôn tập cuối học kì 1 · Unit 1–8 (SGK tr. 20–39)

Tuần 18

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Bài 1: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối



□izza



□opcorn



□ite



□ike



□itten

Bài 2: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

□itten (mèo con) □ail (cánh buồm) □elly (thạch)

□an (xe tải nhỏ) bo□ (cái hộp)

Bài 3: Look, read and write – chọn từ trong khung, viết vào chỗ trống

kite sea rainbow popcorn

1. The ..... is yummy.
2. Is he flying a .....?
3. Let's look at the .....!
4. I can see a .....

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1. pasta	●	● a. biển
2. sea	●	● b. câu đố vui
3. quiz	●	● c. nước ép
4. juice	●	● d. mì ống

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. Can you draw a van? – No, I □□□. (A) can't (B) can
2. What's he doing? – He's doing a □□□. (A) sand (B) quiz (C) road
3. Is there a box? – Yes, there □□□. (A) is (B) isn't
4. Từ nào bắt đầu bằng chữ r? (A) river (B) jam (C) box

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

Chép mỗi từ một dòng: van jam

Chưa cần viết câu.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN — TIẾNG ANH LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 18

Bài 1: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối

🍕 – **pizza** 🍿 – **popcorn** 🪁 – **kite** 🚲 – **bike** 🐱 – **kitten**

Bài 2: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

kitten (mèo con) **s**ail (cánh buồm) **j**elly (thạch) **v**an (xe tải nhỏ) bo**x** (cái hộp)

Bài 3: Look, read and write – chọn từ trong khung, viết vào chỗ trống

1. The **popcorn** is yummy.

2. Is he flying a **kite**?

3. Let's look at the **sea**!

4. I can see a **rainbow**.

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1 – **d** 2 – **a** 3 – **b** 4 – **c**

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. **A** (can't) 2. **B** (quiz) 3. **A** (is) 4. **A** (river)

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

van jam

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án